

**Phẩm 20: ĐẬU SUẤT THIÊN CUNG BỒ TÁT
VÂN TẬP TÁN TÁN PHẬT**

A. GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Trình bày về Như Lai sắp thuyết ra diệu pháp thì nhất định có những người tài năng và trí tuệ theo đến, như điện chớp mây cuộn đầy khắp hư không, quy tụ ở pháp giới, đều dùng kệ tụng tuyệt diệu ca ngợi thật đức của Phật, cho nên dùng làm tên gọi. Lại nữa, Thiên Cung là nơi chốn, Bồ-tát biểu hiện cho người, Vân Tập là thân nghiệp tự tại, Tán Phật là công đức của ngữ nghiệp, dựa theo thân-ngữ và nơi chốn dùng làm tên gọi đầu đề.

Còn lại phần B là Ý đưa ra và phần C là Tông thú đều giải thích giống như trước, chỉ có phần Gia hộ-Ca ngợi đức của Bồ-tát và lợi ích của ánh sáng là khác nhau.

D. TRONG PHẦN GIẢI THÍCH VĂN, có bốn: Một-Quy tụ chúng; hai-Phát ra ánh sáng; ba-Ca ngợi chúng; bốn-Ca ngợi Đức Phật.

Trong phần một là quy tụ chúng: Trước là cõi này quy tụ, sau là mười phương quy tụ.

Trong phần trước có ba:

- 1) Nêu ra phần vị vốn có.
- 2) Từ “Nhất nhất Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về quy tụ đến.
- 3) Từ “Dĩ chánh trực...” trở xuống là hiển bày về đức.

Trong phần một, Phật lực là hiển bày về nhân của quy tụ, các phương là hiển bày về phần lượng. Nước tên gọi Kiên Cố là biểu hiện rõ ràng về hành thành tựu làm chỗ dựa cho nên khó hủy hoại. Phật và Bồ-tát cùng tên gọi là Tràng, biểu hiện khéo léo hồi hướng vốn là nhân quả một mình vượt ra thân nhiếp chế phục. Màng lưới báu che phủ thân biểu hiện cho đức đầy đủ. Phát ra ánh sáng có công dụng rộng lớn.

Trong phần ba là ca ngợi về đức, có hai: Một, ca ngợi về hành đức ấy. Trong đó có hai: Trước là Tự hành, sau từ “Nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là hạnh Lợi tha. Nghĩa là từ Thập Địa trở về sau, cùng với tất cả chúng sinh đồng thời đối với thân của Bồ-tát này, trong từng niệm quán xét nhìn thấy, từng pháp môn riêng biệt đều dẫn dắt thân nhiếp mới lạ, cho nên nói là ngắm nhìn không hề thỏa mãn. Hai, từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là hiển bày về pháp môn đã đạt được. Trong đó: Đầu là tổng quát, sau từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt. Có mười loại pháp môn: 1) Thân đi lại khắp nơi; 2) Trí thấy lý; 3) Nhiều thân khắp nơi; 4) Tiến vào dụng của quả; 5) Đạt được trí về quả; 6) Ánh sáng phương tiện khéo léo; 7) Phân rõ rộng ra; 8) Duy trì sâu xa; 9) Thấy pháp giới;

10) Khấp nơi hư không. Cần phải dùng sáu tướng dung hòa thâm nhiếp để suy nghĩ.

Trong phần hai là phát ra ánh sáng: Hai đầu gối phát ra là vượt qua ngón chân trước đây, biểu thị cho hành dần dần thù thắng. Vả lại, đầu gối có tác dụng của co duỗi đi đến, biểu thị cho tướng của hồi nhân-hướng quả tiến lên trên cao. Trong đó có bốn: 1) Nơi phát ra; 2) Số lượng ánh sáng; 3) Đã chiếu rọi; 4) Duyên nhìn thấy, nghĩa là nhân thì cùng thực hành, quả thì cảm đến hội tụ, cho nên nhìn thấy.

Trong phần ba là ca ngợi về đức của chúng, có hai: Trước là riêng biệt ca ngợi, sau là tổng quát kết luận.

Trong phần trước có hai: Một, trình bày về niềm vui, nghĩa là dụng giải thoát không thể nghĩ bàn của Phật; hai, trình bày về pháp đã đạt được. Trong đó có năm:

1) Đạt được thân pháp giới.

2) Từ “Đắc vô ngại...” trở xuống là trình bày về đạt được tâm pháp giới, trong đó có bốn: a) Tâm Tam-muội; b) Tâm vô trước; c) Tâm vô ngại; d) Tâm ly cấu, tâm quý báu là chứng tâm cho nên có thể lìa xa cấu nhiễm.

3) Từ “Đắc Phật vô lượng...” trở xuống là hiển bày về đạt được Phật lực, đầu là nêu ra, từ “Quyết định...” trở xuống là giải thích hiển bày.

4) Từ “Đắc chư...” trở xuống là trình bày về đạt được pháp chứng của Phật, đầu là nêu ra, từ “Nhập thâm...” trở xuống là giải thích, nghĩa là tiến sâu vào trí là chủ động chứng được pháp này, thanh tịnh Pháp thân đều là đã chứng được pháp này.

5) Từ “Đắc nhất thiết...” trở xuống là trình bày về đạt được trí Phật, trong đó có mười câu: Câu đầu là tổng quát nêu ra, chín câu sau là riêng biệt giải thích. Trong đó: 1) Trí dựa vào lý phát khởi cho nên nói là sinh vào nẻo tốt đẹp; 2) Trí phát khởi sáng suốt; 3) Thành tựu Đại trí Kim Cang; 4) Kim Cang Dụng định phá trừ ngu si vi tế. Trên đây là Bản trí, dưới đây là trình bày về Hậu trí. 5) Trí thâm nhiếp chúng sinh; 6) Trí tự tại; 7) Trí vô trước; 8) Trí chiếu rọi Tục. Đầu gọi là Học số, sau gọi là Cứu cánh. 9) Từ “Thiện trú...” trở xuống là trí chiếu rọi Chân.

Trong phần sau từ “Thành tựu...” trở xuống là tổng quát kết luận về vô tận. Những pháp này đều là trong phần vị cứu cánh, Bồ-tát và Phật cùng một pháp giới, cho nên đều nói là đạt được pháp mà Phật đạt được, nhưng dựa vào phần vị của nhân nói là Bồ-tát mà thôi.

Trong phần bốn là kệ ca ngợi Đức Phật có mười đoạn.

Thứ nhất, Kim Cang Tràng là nêu ra người thuyết giảng riêng biệt, lấy Bồ-tát này làm vị đầu tiên, bởi vì là Hội chủ, nương theo lực hiển bày về thuyết giảng làm chỗ dựa, bốn ý về quán xét khắp nơi giống như Hội trước giải thích. Mười tụng ca ngợi về đức Tịch Dụng vô ngại của Phật, trong đó phân năm:

1) Hai kệ trình bày về Phật không có sinh diệt mà thị hiện có: Kệ đầu là chính thức phân rõ, trong đó nửa kệ trước là không có sinh diệt, nửa kệ sau là thị hiện có. Kệ sau là dựa vào so sánh làm sáng tỏ sâu xa, nghĩa là nửa kệ trước dựa vào yếu kém hiển bày về sâu xa, đó là Dụng của Tịch chứ không phải là cảnh của bốn tâm cho nên khó suy nghĩ; nửa kệ sau dựa vào thù thắng hiển bày về tuyệt diệu, đã không phải là cảnh của bốn tâm thì cảnh giới ở đâu? Nghĩa là trí ấy vẫn là trí Phật và cảnh thuộc trí đầy đủ của phần vị Phổ hiền, bởi vì trí xứng với cảnh Phật thì phải là trí Phật mới tận cùng, cho nên trình bày về sâu xa.

2) Có hai kệ trình bày về Phật không phải là Sắc-Thanh mà thị hiện có, cũng kệ đầu là chính thức phân rõ, kệ sau là dựa vào hiển bày. Nửa kệ trước cũng dựa vào yếu kém làm sáng tỏ sâu xa, nghĩa là phạm phu-Tiểu thừa và Địa tiền gọi là trí yếu kém; nửa kệ sau dựa vào thù thắng hiển bày về tuyệt diệu, nghĩa là Địa thượng chứng trí có thể làm căn bản của Phật, gọi là trí Bốn nghiệp. Phần vị Thập Địa đầy đủ gọi là thành tựu, tức là trí Phổ Hiền. Vả lại, thành tựu cũng là trí Phật.

3) Có hai kệ trình bày về Phật không có đến-đi mà thị hiện có: Kệ đầu chính thức phân rõ, kệ sau hiển bày về sâu rộng. Nghĩa là đến-đi này tức là không có đến-đi, thân khắp nơi các cõi, ngữ thuyết giảng nhiều về diệu pháp, ý luôn luôn trú trong vắng lặng. Lại ba câu trước là hiển bày về rộng, một câu sau là hiển bày về sâu xa.

4) Có hai tụng trình bày về trí Phật không tác động mà thị hiện tác dụng, cũng kệ đầu là chính thức phân rõ, hai câu trước tiến vào chứng, hai câu sau hiện rõ tác dụng; kệ sau là hiển bày về sâu rộng, nửa kệ trước là sâu, nửa kệ sau là rộng.

5) Hai kệ sau cuối khuyến khích tu tập phân rõ về lợi ích, kệ đầu là khuyến khích tu tập, kệ sau là phân rõ về lợi ích của thấy.

Thứ hai, dùng tâm kiên cố quán về Phật, gọi là Kiên Cố Tràng. Mười tụng phân ba: 1) Bảy kệ ca ngợi về đức thù thắng của Phật; 2) Hai kệ khuyến khích tu tập tiến vào; 3) Một kệ kết luận về lợi ích của thấy nghe.

Trong một có năm: Một, có hai kệ trình bày về Thể-Dụng vượt lên trên tình thức, nghĩa là đầu một kệ về Thể sâu xa, tiếp nửa kệ về Dụng

rộng rãi, sau nửa kệ về vượt lên trên tình thức. Hai, có hai kệ trình bày về đức sâu xa khuyến khích gần gũi, kệ đầu về đức sâu xa, nửa kệ trước nói về pháp sâu xa, nửa kệ sau phát khởi thân thanh tịnh, nghĩa là trình bày về thân thanh tịnh của Phật tùy thuận nhân duyên của vạn hạnh mà khởi, nghĩa là tánh vốn có làm nhân, pháp đã tu làm duyên. Vì sao hiển bày về đức này, là trình bày thuận theo duyên khởi thì có thể thành tựu pháp; kệ sau là khuyến khích cầu tìm nghĩa lý phương tiện. Ba, có một kệ ca ngợi về Phật khiến cho cúng dường rộng rãi thêm đức, nghĩa là tâm thanh tịnh-tâm thường xuyên cúng dường khiến cho thành Phật. Bốn, có một kệ ca ngợi về Phật khiến cho quán sát tăng thêm hạnh đức, câu đầu là đức tăng trưởng, câu hai là thực hành lâu dài, câu ba là lìa xa phiền não, câu bốn là kết luận về quán xét. Năm, có một kệ ca ngợi về đức quán xét hiểu rõ của bậc Đại nhân, nghĩa là Phật tử suy xét đến cùng pháp tánh mới hiểu biết rõ ràng.

Trong hai là khuyến khích tu tập, kệ đầu là khuyến khích phát khởi mong muốn cầu đạo, kệ sau là khuyến khích báo ân cung kính gần gũi.

Trong ba là kết luận về lợi ích, nửa kệ trước là kết luận ca ngợi, nghĩa là thấy Phật kết luận về đức của Phật trước đây, nghe Phật pháp kết luận về những pháp mà bậc Đạo Sư đã thuyết giảng trước đây; nửa kệ sau là hiển bày về lợi ích.

Thứ ba, trí lực dũng mãnh tận cùng nguồn gốc của biển Phật, gọi là Dũng Mãnh Trạng. Mười kệ phân hai: 1) Bảy kệ đầu ca ngợi về Phật làm duyên thù thắng cho sự tu hành; 2) Ba kệ sau hiển bày về đức tự tại của Phật.

Trong một: Kệ một trình bày về Phật khó thấy, cần phải đầy đủ Tín tâm thanh tịnh làm nhân, Phật lực làm duyên mới có thể thấy Phật, bởi vì sắc vi tế hợp lại cho nên Phật khó mà thấy được. Kệ hai trình bày về thấy khó hết được, nghĩa là cần phải dùng trí dũng mãnh của Phổ Hiền mới tận cùng nguồn gốc. Kệ ba trình bày về Phật khó thành, nghĩa là cần phải dựa vào biển tâm hoàn toàn thanh tịnh của Thập Địa mà sinh ra. Kệ bốn trình bày về pháp của Phật khó gặp, đạt được liền lìa xa cấu nhiễm. Kệ năm trình bày về Phật khó gặp, thấy được có thể diệt trừ mê hoặc. Kệ sáu trình bày về nghe rồi tin khó thành tựu, cần phải nhờ vào thiện hữu. Kệ bảy so sánh hiển bày về thù thắng, nếu cảm hóa một người khiến cho tin vào công đức của Phật thì hơn hẳn bố thí trước đây.

Trong hai là hiển bày về đức tự tại của Phật, kệ một là Đức tròn

ven, kệ hai là Dụng rộng lớn, kệ ba là Thể vắng lặng.

Thứ tư, bởi vì trong đêm đen sinh tử hiện bày ánh sáng trí tuệ rạng ngời, gọi là Dạ Quang Tràng. Mười kệ phân ba: 1- Một kệ ca ngợi về Dụng rộng lớn của Phật, khắp mười phương đều thấy; 2- Bảy kệ trình bày về Dụng sâu xa của Phật, dung hòa với lý mà phát khởi; 3- Hai kệ cùng kết luận về sâu rộng không có giới hạn tận cùng.

Trong hai là Dụng sâu xa: Kệ một là Thể như nhau không có một cho nên hiện ra nhiều. Kệ hai là trình bày về không có hai mà hai, hiện rõ trang nghiêm. Kệ ba là trình bày về một-hai cùng dung hòa đức vô tận, nghĩa là Không dụ cho Thể, Huyền dụ cho Dụng, trước là ca ngợi Đức Phật ở cõi này, sau là tương tự Đức Phật ở cõi khác. Kệ bốn là dựa vào Thể khởi Dụng. Kệ năm là Dụng tự nhiên không có công sức. Niếp Luận nói: “Như ngọc Ma-ni, như trống cõi trời, không suy nghĩ gì mà sự việc tự nhiên thành tựu, như vậy không phân biệt mà thành tựu rất nhiều Phật sự.” Kệ sáu là trình bày về Thể-Dụng vô ngại, nghĩa là ngay nơi Thể trở thành Dụng mà không lạc mất Thể, cho nên nói là không hủy hoại pháp tánh; ngay nơi Dụng thường là Thể mà không phế bỏ Dụng, cho nên nói là không vướng vào pháp giới, do đó bởi vì không vướng theo lý cho nên luôn luôn Dụng không phế bỏ, bởi vì không hủy hoại tánh cho nên Dụng luôn luôn vắng lặng. Kệ bảy là cả hai dung hòa tự tại, nửa kệ trước dựa theo Thể bật dứt đối đãi, nghĩa là Hóa-Phi hóa đều không thể có được; nửa kệ sau dựa theo duyên thị hiện Hóa-Phi hóa. Lại hai câu trước là nêu ra, hai câu sau như thứ tự giải thích có thể biết.

Lại giải thích kệ này trình bày dựa vào Chân phát khởi Hóa để giải thích làm hai môn: Một là Khai nghĩa, hai là Dung hợp. Trong môn Khai nghĩa, Chân ứng đều có hai nghĩa. Trong Chân, một là nghĩa về Bất biến, nghĩa là tuy hiện hóa mà thường vắng lặng, câu đầu hiển bày về điều này; hai là nghĩa về Tùy duyên, nghĩa là không giữ tự tánh, không có gì không hiện ứng, cho nên nói cũng không phải là Phi hóa. Hai là trong Hóa, một là nghĩa về Vô Thể tức Không, nghĩa là giữ lấy duyên không có tánh, cho nên nói các pháp không có Hóa; hai là nghĩa thuận theo duyên huyễn có, cho nên nói thị hiện có Hoá. Trong môn Dung hợp cũng có hai nghĩa, một là Biệt hợp, hai là Thông dung. Trong nghĩa Biệt hợp, bởi vì trong Chân, Tùy duyên tức là Bất biến, cho nên cũng Chân-cũng không Chân, không phải Chân-không phải không Chân, gọi là Chân Pháp thân; trong Hóa, Thể Không tức là huyễn có, cho nên cũng Hóa-cũng không Hóa, không phải Hóa-không phải không Hóa, gọi là

Phật Hóa thân. Trong nghĩa Thông dung, nghĩa là dựa vào Chân vốn Bất Biến để hiển bày về Hóa vốn Thể Không, đây là Chân không phải là không có-Hóa không phải là có, bởi vì là Pháp thân không phải không có tác dụng của Hóa, bởi vì có nghĩa Không trong Hóa. Lại dựa vào Chân là Tùy duyên để hiển bày về Hóa là huyễn có, đây là Hóa không phải là không có-Chân không phải là có, bởi vì là Hóa thân không phải không có lý của Chân, bởi vì có nghĩa Tùy duyên trong Chân. Lại bởi vì Tùy duyên là huyễn có không khác với Bất biến là Thể Không, cho nên hiện hóa nhiều loại mà chưa từng không vắng lặng, Chân tánh sâu thẳm không có gì đã từng không Hóa, Chân và Hóa dung hòa hoàn toàn thành một pháp giới thanh tịnh vô ngại, suy nghĩ có thể thấy.

Trong ba là hai kệ cùng kết luận, kệ đầu kết luận về Thể sâu xa không có đáy, rộng lớn không bến bờ trước đây; kệ sau kết luận về Dụng trước đây, trước là hiển bày về sâu xa, sau là làm sáng tỏ về rộng lớn.

Thứ năm, tuệ sâu xa vô ngại, gọi là Trí Tràng. Mười kệ phân ba: 1) Bốn kệ ca ngợi về đức dụng vô hạn của Phật; 2) Bốn kệ ca ngợi về một-khác vô ngại của Phật; 3) Hai kệ ca ngợi về sinh diệt tự tại của Phật.

Trong một, hai kệ đầu hiển bày về Dụng vô hạn, hai kệ sau trình bày về Đức vô cùng. Trong hai kệ đầu, trước là phân rõ về căn khí cảm đến Dụng, nghĩa là người tu hành có đủ Trí vô ngại và Bi vô hạn thì khắp nơi mười phương thường thấy chư Phật. Đây là hiển bày về Như Lai ở nơi Đại cơ ấy không có lúc nào tạm thời ẩn kín. Nhưng có năm nghĩa: Một, Một thân tròn vẹn rộng lớn, cho nên nói là mười phương nhìn thấy; Hai, Một thân tức là tất cả, cho nên nói là nhìn thấy tất cả chư Phật; Ba, Trình bày về Dụng này chưa hề tạm hết, cho nên nói là thường nhìn thấy; Bốn, Hiển bày về Dụng này chưa từng không vắng lặng, cho nên nói là không có nơi đến; Năm, Làm sáng tỏ những pháp đã nói lại sâu xa, cho nên nói là pháp cũng không vướng mắc. Trong hai kệ sau là trình bày về đức vô cùng, nghĩa là tất cả các thân đã hiện rõ trước đây, mỗi một thân ấy đều thấu nhiếp công đức vô tận của pháp giới, cho nên đối với kiếp số không nghĩ bàn nói về công đức của một thân ấy hãy còn không thể hết được, huống gì tất cả các thân khác, chúng sinh ba đời cùng so sánh hiển bày về nhiều.

Trong hai là ca ngợi về một-khác vô ngại: Một kệ đầu là pháp thuyết, nghĩa là không có hai bởi vì pháp giới dung hòa, cho nên không thể nghĩ bàn. Vì sao nói không thể không có hai suy nghĩ bởi vì hiện

rõ nhiều thân, không thể nhiều thân suy nghĩ bởi vì chưa từng có khác nhau, không thể một-nhiều suy nghĩ bởi vì không có hai pháp, không thể cả hai đều không phải là suy nghĩ bởi vì Thể-Dụng không khác, vốn là viên dung khó suy lường. Tiếp một kệ là dụ so sánh, tiếp một kệ là pháp-hợp, sau cuối là một kệ giải thích không phải là một-khác, đều có thể biết.

Trong ba là sinh diệt tự tại, một kệ đầu là trình bày về không sinh diệt mà hiện rõ sinh diệt, một kệ sau là trình bày về sinh diệt đã hiện rõ vẫn là không sinh diệt.

Thứ sáu, chiếu rọi lý đáng quý, cho nên gọi là Bảo Tràng. Mười kệ phân hai: 1) Ba kệ đầu ca ngợi về thân tâm tự tại của Phật; 2) Bảy kệ sau ca ngợi về Phật xuất thế tự tại.

Trong một, hai kệ đầu trình bày về thân, kệ một là không có hạn lượng mà hiện rõ về hạn lượng, kệ hai là không có nơi chốn mà khắp mọi nơi chốn; một kệ sau là tự mình trình bày về tâm, câu trước trình bày về không có tám Thức-Tâm vương, câu tiếp trình bày về không có tâm sở hữu, nửa kệ sau kết luận về Thể của pháp.

Trí Luận nói: “Phật địa không có tâm-tâm pháp”. Hỏi: Nếu dựa theo Pháp thân thì có thể nói như trên; dựa theo thân thọ dụng nếu không có tâm pháp, thì lẽ nào có thể khiến cho Phật giống như loài phi tình hay sao? Đáp: Nếu dựa vào Sơ giáo thì Phật địa có đủ tám Thức thanh tịnh và hai mươi một tâm sở, giả sử nói không có thì chỉ không có Thức nhiễm ô, chứ không phải là nói không có thanh tịnh; lại do Trí thù thắng chỉ nói có Trí, chứ không phải là nói không có Thức. Nếu dựa vào Chung giáo, thì chỉ là một Trí tròn vẹn, bên trong chứng được Chân như, bên ngoài khởi lên Hóa dụng, cũng không có tâm vương-tâm sở khác nhau và tám Thức sai biệt. Theo Lương Nhiếp Luận thì quả Phật chỉ là Như Như và Như Như trí tự mình tồn tại. Nếu dựa theo Đốn giáo thì bởi vì Thỉ giác tức là giống như Bản giác, không có sai khác về Thỉ giác, liền hợp với Trí này ngay nơi tướng tức là Như, tướng của Trí cũng không còn, chỉ một Diệu lý lia xa ngôn ngữ-bật dứt suy nghĩ làm Phật quả. Nếu dựa theo Viên giáo thì Lý và Trí đã tự nhiên dung hòa, tất cả pháp giới đều là Trí, nói mười để hiển bày về vô tận, cho nên Trí này chưa từng không ngay nơi pháp giới. Suy nghĩ về điều này.

Trong hai là bảy kệ, bốn kệ đầu trình bày về Phật ở cõi này, ba kệ sau tương tự Phật ở cõi khác.

Trong bốn kệ đầu: Hai kệ trước trình bày về Phật xuất thế để làm lợi ích mà chính là không có xuất thế, nghĩa là một kệ đầu trình bày về

không xuất thế thì có tổn hại, nửa kệ tiếp trình bày về lợi ích của xuất thế, nửa kệ sau hiển bày thật sự không có xuất thế.

Kinh Chư Pháp Vô Hành nói: “Như Lai không xuất thế, cũng không độ chúng sinh, chúng sinh gượng phân biệt, là Phật độ chúng sinh.” Giải thích rằng: Trình bày về thân Thích-ca này lúc xuất thế thì thường không có xuất thế, không phải là nói riêng biệt dựa theo Pháp thân.

Hai kệ sau giải thích về nguyên do không xuất thế, nghĩa là phạm luận về Phật xuất thế thì đều đối với Thời-Xứ, nay suy ra hai điều này đều không phải là Đẳng giác, cho nên ngay nơi xuất thế mà không có xuất thế. Sau là trình bày về căn cơ chúng sinh thuần thực, từ trong tâm mình thấy mặt trời Phật mọc lên, nhưng Tự giác của Phật vốn không phải là mặt trời trong sáng.

Trong ba kệ sau là tương tự Phật ở cõi khác: Một kệ đầu là pháp thuyết về chính thức tương tự, nửa kệ trước nhắc lại xuất thế trước đây, Phật ở cõi này xuất thế thì không có nghĩa về xuất thế, nghĩa là tâm chúng sinh trước đây đã thấy Phật đều là hư vọng không có, bởi vì ngôn ngữ đoạn mất; nửa kệ sau là chính thức tương tự chư Phật ba đời xuất thế, lý cũng giống như vậy. Tiếp một kệ là dụ so sánh, nửa kệ trước dụ về Phật xuất thế tức là không có xuất thế, nghĩa là phá tan bóng tối gọi là mặt trời mọc lên, mặt trời mọc lên thì bóng tối đã không còn, bóng tối không còn thì mặt trời không phải là mọc lên, cho nên xuất thế tức là không phải xuất thế; nửa kệ sau dụ về không xuất thế mà xuất thế, xuất thế chỉ có tên gọi. Một kệ sau cuối là pháp-hợp, nửa kệ trước kết hợp xuất thế tức là không có xuất thế, nửa kệ sau kết hợp không có xuất thế mà xuất thế, xuất thế chỉ có tên gọi, vì thế cho nên không khác với không xuất thế.

Thứ bảy, thường xuyên quán xét diệu lý, gọi là Tinh Tiến Tràng. Mười kệ phân hai: 1) Một kệ nêu chung về chư Phật, nêu ra Đức giống nhau mà Ứng khác nhau; 2) Chín kệ chính thức ca ngợi Phật ở cõi này.

Trong 1, thân giống nhau là Pháp thân giống nhau, nghĩa là công đức giống nhau, nửa kệ sau Ứng khác nhau cũng là Dụng giống nhau. Ý văn thì lý thật về Thể đức của chư Phật như nhau, vốn có khác nhau thì đều là tùy theo ứng hiện. Công đức này như nhau, như Vô Tánh Nhiếp Luận nói: “Ở trong Pháp thân dựa vào ý thích làm việc không có công đức sai biệt, tức là khai mở rõ ràng đến được tánh bình đẳng của tất cả chư Phật. Nơi dựa vào không sai biệt là bởi vì tất cả đều dựa vào trí thanh tịnh. Ý thích không sai biệt là bởi vì tất cả đều có ý thích thù

thắng làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình. Tác nghiệp không sai biệt là bởi vì tất cả đều làm việc Lợi tha thọ dụng biến hóa.”

Trong hai là chín kệ, có hai: Đầu là ba kệ sơ lược giải thích; sau là sáu kệ mở rộng hiển bày. Trong ba kệ đầu: Kệ một trình bày về nghĩa sâu rộng của cảnh, giải thích về nghĩa giống nhau trước đây. Kệ hai trình bày về thân không phải là căn-cảnh trong ngoài, giải thích về thân giống nhau trước đây. Kệ ba là tùy cơ thấy sai khác, giải thích về Ứng sai khác trước đây. Trong sáu kệ sau: Một là hai kệ trình bày về Thể của Pháp thân không phải là phạm vi số lượng, kệ trước là pháp thuyết, kệ sau là dựa theo dụ. Như tùy tiện chấp về Ngã vốn không hề có gì, dù cho bốn Trí-năm Nhân suy nghĩ cũng không đạt được, bởi vì không có vật gì. Đây là nêu ra vọng chấp về tình có mà lý không, không phải là cảnh của Thánh trí, để so sánh với Pháp thân là lý có mà tình không, không phải là phần vị dưới mà suy lường được. Hai là tiếp một kệ trình bày dựa vào Thể hiện rõ Tướng, tiếp một kệ thuận theo duyên thấy Dụng, tiếp một kệ trình bày về Dụng thành tựu lợi ích, sau cuối một kệ hiển bày về Dụng rộng lớn.

Thứ tám, tuệ thanh tịnh soi chiếu Thật, chương ngại nhiễm ô đã loại trừ, gọi là Ly Cấu Tràng. Mười kệ phân bốn:

1) Ba kệ trước ca ngợi thân-trí thanh tịnh của Phật, trong đó: Một kệ trước ca ngợi về trí thanh tịnh lợi ích cho thế gian; hai kệ sau ca ngợi về thân thanh tịnh, kệ một là giúp đỡ Ứng hiển bày Chân, kệ hai là dựa vào Chân hiện rõ Ứng.

2) Tiếp hai kệ ca ngợi về ba nghiệp thanh tịnh: Một kệ đầu là ý nghiệp thanh tịnh, nghĩa là danh đức tuy cao mà tâm thường an ổn; một kệ sau là thân ngữ có thể biết.

3) Tiếp ba kệ là dung hòa thân nhiếp thanh tịnh: Kệ một là soi chiếu lý. Kệ hai là hiện rõ sự. Kệ ba là dung hòa hiển bày vô ngại. Bởi vì Khí thể gian tức là Trí chánh giác, cho nên nói tức là thân. Thân này không có tánh, lại chính là Chân đế, cho nên nói tức là Tối thắng. Tối thắng vốn là lý thuộc Thắng nghĩa. Nửa kệ sau giải thích hiển bày về vô ngại, là dung hòa thân nhiếp trước đây, ngay trong nhau đều nhận biết điều ấy, cho nên gọi trí vô ngại.

4) Hai kệ sau cuối là lìa xa vọng-tịnh, kệ một là phai mờ cảnh-trí, nói Bồ-đề là Phật chủ động soi chiếu, Pháp là thụ động soi chiếu vắng lặng, bởi vì không có đạt được; kệ sau là bật dứt ba đời, nghĩa là đối với ba thời gian cầu trí chứng trước đây hoàn toàn không có đạt được, bởi vì lìa xa sự trái ngược ấy.

Thứ chín, hiểu rõ Ứng thân Phật tức là giống với Chân, cho nên gọi là Chân Thật Tràng. Mười kệ phân hai:

1) Hai kệ trình bày về Đại Dụng không có nơi chốn của Phật, trước là một kệ trình bày về nơi đã Ứng, sau là một kệ trình bày về Dụng thuộc tám tướng của thân đã hiện bày.

2) Tám kệ về thông hiểu Dụng giống như Thế. Trong đó: Một, hai kệ dựa theo suy nghĩ và thấy mà hiểu, trước là một kệ nêu ra Dụng, sau là một kệ giống như Thế. Hai, tiếp một kệ dựa theo thân-độ, nửa kệ trước nêu ra Dụng, nửa kệ sau hiểu về Thế. Ba, tiếp một kệ dựa theo Hóa Dụng mà hiểu có thể biết. Bốn, tiếp hai kệ dựa theo đức của Phật mà hiểu, câu đầu là nêu ra đức của Niết-bàn, câu tiếp là nêu ra đức của Bồ-đề, nửa kệ sau như thứ tự giải thích có thể biết; trong kệ tiếp, nửa kệ trước là nêu ra đức của thần lực, nửa kệ sau là tổng quát hiểu về không vốn có gì. Năm, hai kệ sau cuối dựa theo nhân quả của Phật mà hiểu, một kệ đầu là nhắc lại tất cả nhân quả, nghĩa là trình bày về Phật xưa kia nhận biết đạo lý duy tâm, hiểu rõ ràng về các pháp thấy đều như vậy không thể nào đạt được, cho nên mau chóng thành tựu Chánh giác, vì vậy quả Phật bình đẳng lia xa ngôn từ cùng một Chân Thế; một kệ sau là đích thực thông hiểu hiển bày về Thế, có thể biết.

Thứ mười, khéo léo hiểu rõ về pháp thành Phật, cho nên gọi là Pháp Tràng. Mười kệ phân bốn:

1) Hai kệ trình bày về lợi ích gần gũi Phật, trước là một kệ tổng quát nêu ra; sau là một kệ giải thích về thành tựu, nửa kệ trước nêu ra tổn hại để hiển bày về lợi ích, nửa kệ sau làm sáng tỏ về lợi ích khác với tổn hại.

2) Tiếp ba kệ trình bày về lợi ích của phát tâm ở nơi Phật: Kệ một là tổng quát nêu ra; kệ hai là giải thích về thành tựu; kệ ba là so sánh hiển bày về thù thắng, nghĩa là không biết phương tiện phát tâm Bồ-đề hãy còn không phải là cứng dưng, nếu có thể một niệm phát tâm Bồ-đề thì chính là cứng dưng pháp Tối thượng.

3) Tiếp hai kệ trình bày về lợi ích nghe pháp ở nơi Phật, trong đó: Kệ một nhờ vào nghe mà mong cầu nhân, kệ hai nhờ vào nghe mà đạt được quả.

4) Sau cuối là ba kệ trình bày về lợi ích phát sinh hiểu biết ở nơi Phật, trong đó: Đầu là hai kệ nêu ra tổn hại để hiển bày về lợi ích, kệ một là nêu ra, kệ hai là giải thích, nghĩa là từ vô lượng kiếp quá khứ bởi vì không nhận biết về pháp này cho nên đã không thành Phật, ngày nay dù cho tận cùng đời kiếp vị lai nếu không nhận biết về pháp thành Phật

này thì cuối cùng cũng không thành; sau là một kệ làm sáng tỏ về lợi ích khác với tổn hại, nửa kệ trước nêu ra pháp thuộc Lý cảnh, nửa kệ sau là lợi ích thành tựu pháp thuộc Trí hành.

Trăm kệ ca ngợi Phật của mười Bồ-tát trên đây, hoặc tổng quát làm một, bởi vì dung hòa quy tụ làm một pháp giới Phật; hoặc riêng biệt, bởi vì trăm môn đức của mười Phật sai biệt; hoặc giống nhau, bởi vì trăm kệ không có kệ nào không phải là hiển bày về đức của Phật; hoặc khác nhau, bởi vì mỗi một môn khác biệt nhau; hoặc thành tựu, bởi vì đức này duyên với Phật quả mà tồn tại; hoặc hủy hoại, bởi vì đều trú trong pháp của mình vốn không tạo tác; dựa theo suy nghĩ về điều này. Lại sau kệ này phải có kết luận gồm chung về thế giới mười phương, nhưng vì các Bồ-tát trước đều nói quán xét khắp nơi mười phương, là đã hiển bày rõ ràng cho nên không bàn luận nữa. Ở các Hội trước đều dựa theo đây mà nhận biết.
